TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/DS-ST
Ngày: 13-10-2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà: **Nguyễn Thị Hồng Diễm.**
2. Bà: **Trần Thị Thu Hà**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Nghĩa** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2020/TLST – DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu T** – sinh năm: 1962 (có mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn B** – sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 27/5/2020 và tại phiên toà hôm nay bà Nguyễn Thị Thu T trình bày: Ngày 26/11(dl)/2018 bà có cho anh Trần Văn B vay số tiền là 195.000.000đ có làm biên nhận nợ, có thoả thuận lãi suất 01%/tháng, khi anh B vay tiền anh B nói với bà là để đáo hạn ngân hàng, nhưng vài ngày sau anh B chỉ trả cho bà 45.000.000đ, số tiền còn lại là 150.000.000đ đến nay anh B không có đóng lãi cũng không có trả vốn cho bà. Bà có nhiều lần đến nhà anh B để yêu cầu anh B trả tiền cho bà nhưng anh B vẫn không trả mà anh B cứ cố tình tránh mặt bà. Nay bà yêu cầu anh Trần Văn B phải trả cho bà số tiền vốn là 150.000.000đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/7/2019 đến ngày 01/5/2020 là 10

tháng lãi suất 01%/tháng thành tiền là 15.000.000đ. Tổng cộng vốn và lãi 165.000.000đ.

Bị đơn anh Trần Văn B vắng mặt nên không có ý kiến. Anh B đã được Tòa án tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh B không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa. Xét việc vắng mặt của anh B không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:**

Về tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, của Thư ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 26; Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T.

Buộc anh Trần Văn B phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền vốn vay là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 165.000.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Trần Văn B phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.250.000đ (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

* Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện; Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); Biên nhận.

Bị đơn vắng nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Bà Nguyễn Thị Thu T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà T và anh Trần Văn B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn Trần Văn B vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh B nhưng anh B cũng không đến Tòa án. Nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng vay tài sản giữa bà T và anh B được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Tại biên nhận do bà T cung cấp cho Toà án thì ngày 26/11/2018 anh B có vay của bà T số tiền 195.000.000đ, anh B có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận. Theo lời trình bày của bà T thì vài ngày sau anh B đã trả cho bà T được 45.000.000đ nên số tiền vốn anh B còn nợ lại bà T là 150.000.000đ. Nay bà T yêu cầu anh B phải trả cho bà T số tiền vốn là 150.000.000đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/7/2019 đến ngày 01/5/ 2020 là 10 tháng lãi suất 01%/tháng thành tiền là 15.000.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 165.000.000đ.

Trong quá trình Toà án thụ lý vụ án thì Toà án có đến gia đình anh B để tống đạt các văn bản tố tụng cho anh B nhưng không gặp được anh B mà chỉ gặp được bà Lê Thị Vị là mẹ ruột của anh B, bà Vị trình bày do anh B đang điều trị bệnh tại thành phố Hồ Chí Minh nên không về Toà án nhân dân huyện Vũng Liêm để tham gia tố tụng trong vụ án trên, bà cam kết sẽ thông báo cho anh B biết việc bà T khởi kiện anh B trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản trên. Theo bà Vị thì bà có biết việc anh B có vay tiền của bà T nhưng bà có nghe anh B nói là vay của bà T số tiền 100.000.000đ. Từ đó thể hiện anh B có vay tiền của bà T là đúng nhưng Toà án đã triệu tập anh B đến Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử nhưng anh B không đến Toà án nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T. Buộc anh B phải trả lại cho bà T số tiền vốn là 150.000.000đ và tiền lãi là 15.000.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 165.000.000đ.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, về nội dung của vụ kiện là phù hợp với quy định.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh B phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.250.000đ.

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T. Buộc anh Trần Văn B phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền vốn vay là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 165.000.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Trần Văn B phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.250.000đ (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Thu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 4.125.000đ (Bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0008294, ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cụcTHADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh